

Bản án số: 799/2026/HS-PT

Ngày: 15-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Các Thẩm phán:

1/ Ông Đặng Hồng Sơn.

2/ Ông Phạm Viết Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 626/2026/HSPT ngày 24/7/2026 đối với bị cáo Bùi Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 482/2026/HSST ngày 18/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Văn T, sinh năm 1996 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi thường trú: Số C ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Cha: Bùi Văn B, sinh năm 1952; Mẹ: Phan Thị B1, sinh năm: 1954; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 20/9/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 20/2022/HS-ST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 26/4/2024.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 27/11/2025. (Có mặt tại phiên tòa)

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không liên quan đến kháng cáo của bị cáo nên Hội đồng xét xử không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 01/10/2025, T sử dụng tài khoản Zalo tên “Tiễn Tiễn Đ” nhắn tin đến tài khoản Zalo của Thủ tên “Văn Thủ” hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen bạc, biển số 50Y1-130.09 để đi công việc thì T2 đồng ý. Sau đó, T hẹn gặp T2 tại trước Ngân hàng S, địa chỉ số C đường T, Khu phố D, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh thì T2 đồng ý. Tiễn đi bộ đến địa chỉ trên gặp T2 rồi T2 điều khiển xe mô tô chở T ngồi phía sau đi đến trước địa chỉ số D đường T, Khu phố A, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh rồi giao xe mô tô trên cho T (không giao giấy đăng ký xe), sau đó T điều khiển xe mô tô bỏ đi.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, do cần tiền tiêu xài nên T điều khiển xe mô tô biển số 50Y1- 130.09 đến Cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ “Xuân Phúc”, địa chỉ số C đường N, ấp H, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh gặp Đỗ Văn T1 là chủ tiệm. Tiễn cho biết là có việc gấp cần cầm cố xe mô tô do vợ của T đứng tên chủ sở hữu, hẹn 07 (bảy) ngày sau sẽ mang đủ giấy tờ đến để lập hợp đồng thì T1 đồng ý cầm với số tiền 3.000.000 đồng và yêu cầu T phải viết Giấy cam kết có nội dung xe trên không có tranh chấp và do vợ T đứng tên. Ông T1 đưa cho T 2.750.000 đồng tiền mặt, trừ số tiền 250.000 đồng là tiền lãi của 07 ngày cầm cố xe. Đến ngày 07/10/2025, T2 liên lạc đòi lại xe đã cho mượn nhưng Tiễn né tránh, sau đó chặn liên lạc.

Ngày 10/10/2025, T sử dụng tài khoản Zalo tên “Tiễn Tiễn Đ” liên lạc với một người sử dụng tài khoản Zalo tên “N” để tìm người chuộc và cầm xe mô tô biển số 50Y1- 130.09 với giá cao hơn. “N” giới thiệu cho Tiễn một nam thanh niên (không rõ lai lịch) sử dụng tài khoản Zalo tên “Bánh Bao”. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T và “Bánh Bao” đến tiệm cầm đồ “Xuân Phúc”, “Bánh Bao” chuộc lại xe mô tô biển số 50Y1-130.09 với số tiền 3.250.000 đồng và cho T 200.000 đồng rồi điều khiển xe mô tô bỏ đi.

Đến khoảng 21 giờ ngày 17/10/2025, tại giao lộ đường P và đường L, T2 gặp T và biết được sự việc T đang mang xe mô tô biển số 50Y1- 130.09 cầm cố cho một người không rõ lai lịch nên đến Cơ quan Công an để trình báo sự việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Bùi Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu đã thu thập được (Bút lục số 153-166; 182-186).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐDGTS ngày 18/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh: “01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 50Y1-130.09, màu đen bạc, số máy 5C63211155, số khung RLCS5C6309Y211149, dung tích xilanh: 110cm³, năm sản xuất: 2009, đã qua sử dụng, trị giá: 7.000.000 đồng”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 482/2026/HS-ST ngày 18/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2025.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/6/2026, bị cáo Bùi Văn T có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Bùi Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tự bào chữa, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Văn T về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của

Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 11 giờ ngày 01/10/2025, bị cáo Bùi Văn T hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen bạc, biển số 50Y1-130.09 của anh Nguyễn Văn T2 để đi công việc, nhưng sau khi nhận xe, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Tiền điều khiển chiếc xe trên đến Cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ “Xuân Phúc”, địa chỉ số C đường N, ấp H, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh để cầm cố với số tiền 2.750.000 đồng. Ngày 07/10/2025, anh T2 liên lạc đòi lại xe đã cho mượn nhưng Tiền né tránh, sau đó chặn liên lạc. Ngày 10/10/2025, T liên hệ, thỏa thuận với đối tượng “Bánh bao” đến tiệm cầm đồ “Xuân Phúc” để chuộc lại chiếc xe trên với giá 3.250.000 đồng và “Bánh bao” cho T số tiền 200.000 đồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 18/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 50Y1-130.09, màu đen bạc, số máy 5C63211155, số khung RLCS5C6309Y211149, dung tích xilanh: 110cm³, năm sản xuất: 2009, đã qua sử dụng, trị giá: 7.000.000 đồng”.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bùi Văn T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự, trị an xã hội. Bị cáo là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, cần áp dụng các quy định tương ứng của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2022/HS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm”. Do đó, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo là người đã có tiền án, chưa được xóa án tích nên bị xem là người có nhân thân xấu khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không biết cải sửa bản thân, mà tiếp tục phạm tội mới để có tiền thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân mà không phải thông qua lao động chân chính. Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo khi lượng hình và đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo. Xét, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho bị hại nên mức án 01 năm 06 tháng tù mà Cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai bị tạm giữ, tạm giam 40 ngày tại Công an phường nhưng căn cứ biên bản bắt bị can để tạm giam đối với bị cáo thể hiện bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 27/11/2025 nên không có căn cứ để xem xét. Ngoài ra, bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Phần Quyết định của Bản án sơ thẩm trình bày không đúng trình tự, thể thức của Bản án sơ thẩm quy định tại Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Tuy không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án và quyết định của tòa án, nhưng C sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 482/2026/HS-ST ngày 18/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025;

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn T** 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2025.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM (1)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- VKSND Khu vực 7; (1)
- TAND Khu vực 7; (1)
- THADS TP.HCM (1)
- Phòng THADS Khu vực 7; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại tạm giam Số 2; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ (21) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang

